TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **75/**2022/QĐST-HNGĐ	*Tuyên Quang, ngày 06 tháng 5 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 57/2022/TLST-HNGĐ ngày 08/4/2022, giữa:

* *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Kim H**, sinh năm 1983

Nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố 03, phường L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi ở hiện nay: Xóm 05, xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

* *Bị đơn*: Anh **Mai Văn M**, sinh năm 1979

Địa chỉ: Tổ dân phố 03, phường L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 4 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 4 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị Kim H và anh Mai Văn M

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Trần Thị Kim H và anh Mai Văn M có ba con chung là Mai Văn T, sinh ngày 11/4/2003, Mai Như N, sinh ngày 17/11/2011 và Mai Anh T sinh ngày 08/12/2018. Chị H và anh M thống nhất thoả thuận: Mai Văn T đã trên 18 tuổi, hiện đang là bộ đội và có cuộc sống tự lập nên không đề nghị Toà án giải quyết; Giao hai con chung là Mai Như N và Mai Anh T cho anh Mai Văn M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau ly hôn. Chị Trần Thị Kim H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Mai Văn M như sau:

+ Đối với Mai Như N, mức cấp dưỡng là 500.000 đồng (*năm trăm nghìn đồng*)/tháng; Phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng; Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5 năm 2022, cho đến khi Mai Như N đủ 18 tuổi.

+ Đối với Mai Anh T, mức cấp dưỡng là 500.000 đồng (*năm trăm nghìn đồng*)/tháng; Phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng; Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5 năm 2022, cho đến khi Mai Anh T đủ 18 tuổi.

Chị Trần Thị Kim H được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày người được thi hành án, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả thực hiện theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung: Chị Trần Thị Kim H và anh Mai Văn M đều xác nhận, vợ chồng không có tài sản, đất đai gì chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về vay nợ: Chị Trần Thị Kim H và anh Mai Văn M đều xác nhận, vợ chồng không có vay nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí của vụ án: Chị Trần Thị Kim H tự nguyện nhận chịu toàn bộ tiền án phí của vụ án là 300.000 đ (*ba trăm nghìn đồng*), trong đó án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm của vụ án là 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) và án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) chị Trần Thị Kim H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000274 ngày 08/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T. Chị Trần Thị Kim H đã nộp đủ án phí. Anh Mai Văn M không phải chịu án phí của vụ án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"

THẨM PHÁN

Nơi nhận
- TAND tỉnh TQ;
- VKSND thành phố TQ (2 bản);
- THADS thành phố TQ (để thi hành);
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND phường L;
- UBND xã K.
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu TA.

Vương Thị Lan